

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỶ LỌI Khoa Kinh tế và Quản lý **Bộ môn Phát triển kỹ năng**

MÔN HỌC

KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ THUYẾT TRÌNH

Bộ môn: Phát triển kỹ năng

Email: bmphattrienkynang@tlu.edu.vn

Điện thoại: 0243 564 3104



Chương 5. CÁC KỸ NĂNG TRONG THUYẾT TRÌNH



Mục tiêu

Kiến thức:

- Nhận thức được tầm quan trọng của các kỹ năng trong thuyết trình
- Phân tích được một nội dung chính của các kỹ năng trong thuyết trình: cách sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, cách kiểm soát tâm lý, cách đặt và trả lời câu hỏi, cách sử dụng các công cụ hỗ trợ thuyết trình, ...

Kỹ năng:

 Vận dụng các kỹ năng thuyết trình một cách linh hoạt, hiệu quả để thuyết trình thành công

Thái độ:

• Luôn có ý thức rèn luyện nâng cao kỹ năng thuyết trình



Các kỹ năng trong thuyết trình

- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ
- Kỹ năng kiếm soát tâm lý
- Kỹ năng đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi của khán giả
- Kỹ năng sử dụng các công cụ hỗ trợ trong thuyết trình



Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ





Nội dung

- 1. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ
- 2. Kỹ năng sử dụng phi ngôn ngữ



1. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

- Vai trò của ngôn ngữ trong thuyết trình
- Các nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ trong thuyết trình



Vai trò giao tiếp ngôn ngữ

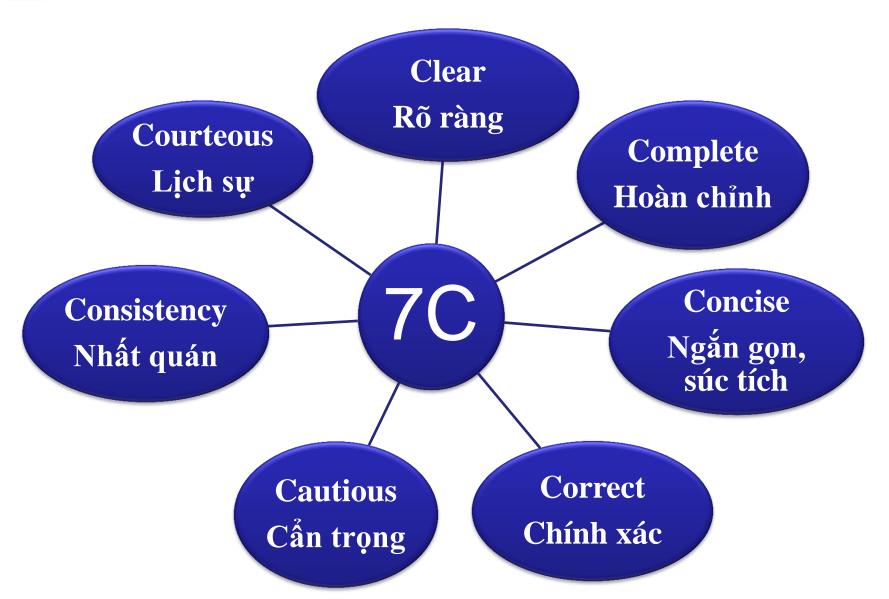
Hiểu được chính xác thông điệp của bài thuyết trình Giải quyết công việc nhanh

Tạo ấn
tượng tốt
thu hút
người
nghe

Khẳng định và nâng cao uy tín của bản thân Tạo ảnh hưởng với người khác



Nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ trong thuyết trình





2. Kỹ năng sử dụng phi ngôn ngữ

Phi ngôn ngữ là các yếu tố đi kèm, bổ trợ, thậm chí thay thế cho ngôn ngữ





Hữu thanh

- Giọng nói (chất giọng, âm lượng, độ cao...)
- Tiếng thở dài
- Tiếng kêu la

Vô thanh

- Điệu bộ
- Dáng vẻ
- Trang phục
- Nét mặt
- Ánh mắt
- Di chuyển
- Mùi
- Tư thế



Đặc điểm của phi ngôn ngữ

- Luôn tồn tại
- Có giá trị thông tin cao
- Mang tính quan hệ
- Khó hiểu
- Chịu ảnh hưởng của
 văn hoá





Kết quả nghiên cứu của Allan Pease và Albert

Ngôn ngữ 7%

Giọng nói 38%

Phi ngôn từ (hình ảnh, cử chỉ, điệu bộ) 55%





Trang phục: gọn gàng, lịch sự, phù hợp với chủ đề thuyết trình và đối tượng khán giả





Ánh mắt:

- + Nhìn = nhìn thấy?
- + Nhìn theo hình chữ W hoặc M
- + Dừng cuối mỗi ý
- + Nhìn vào trán





Mặt: Thể hiện sự thân thiện, gần gũi với khán giả





Tay: Thể hiện sự cởi mở chào đón





Mắt phản xạ với tứ chi

Trong ra, dưới lên

Tay

Trong khoảng cầm đến thất lưng



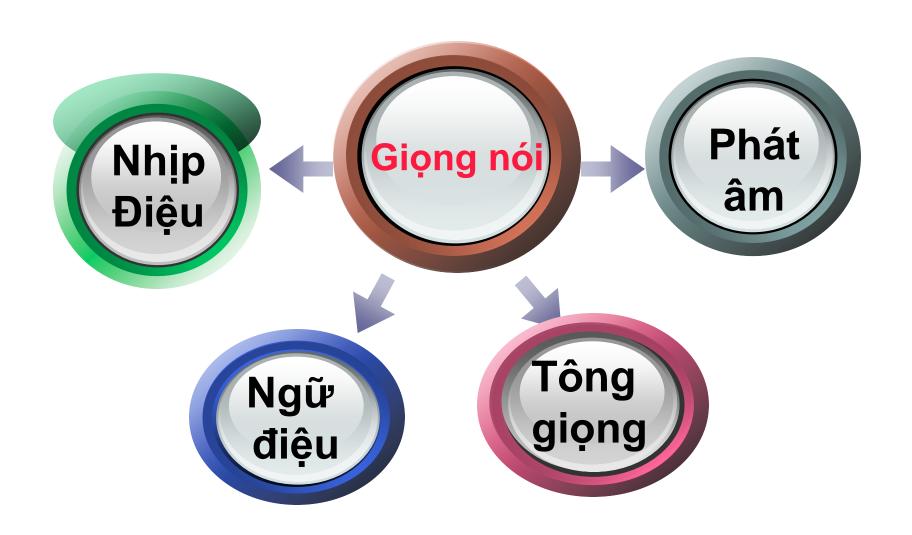




Tư thế: Nghiêm túc, tạo sự thoải mái









Di chuyển:

- Khán giả đỡ nhàm chán
- Kiểm soát hội trường
- Theo hình tam giác
- Theo hình chữ M hoặc W





Tài liệu tham khảo

- 1. Bộ môn Phát triển kỹ năng (2019). *Giáo trình Kỹ năng Giao tiếp và Thuyết trình*. Khoa Kinh tế và Quản lý. Trường Đại học Thuỷ lợi. NXB Bách Khoa Hà Nội. Hà Nội.
- 2. Allan, Barbara Pease (2008): Cuốn sách hoàn hảo về Ngôn ngữ cơ thể. Tiếng Anh: Body Language. Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh. TP. Hồ Chí Minh.
- 3. Nguyễn Ngọc Hiến: *Kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong hành chính*, Học viện Hành chính quốc gia, 2006.
- 4. Tim Hindle. Kỹ năng thuyết trình. NXB Tổng hợp TPHCM. 2007.



TRÂN TRONG CẨM ƠN!



